

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH (KINH PHÁP HOA)

I. Đại thừa có mặt khoảng thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch tại miền Nam Ấn Độ.

Hầu hết kinh đại thừa, trong đó có kinh Pháp Hoa, là công trình phát triển về sau. Như thế bộ kinh Pháp Hoa không do chính Đức Phật thuyết giảng mà do các Tổ trước tác.

Chúng ta không thể phủ nhận sự thật của lịch sử, nghĩa là không thể chấp nhận kinh Pháp Hoa do Phật thuyết. Nhưng chúng ta cũng không thể phủ nhận nội dung các lời dạy trong kinh Pháp Hoa là không phù hợp với ý của Phật.

Do lời kinh phù hợp với giáo lý truyền thống (duyên khởi, vô thường, vô ngã, Tứ Diệu Đế, v.v...) chúng ta có thể xem như là do Phật thuyết để khơi dậy được niềm tin "phap" sâu xa trong tâm người học đạo hơn.

II. Nếu Pháp Hoa phù hợp với giáo lý truyền thống, nghĩa là không có nội dung nào mới mẻ hơn thì do động cơ nào mà Pháp Hoa ra đời?

Các động cơ thúc đẩy Pháp Hoa ra đời:

21. - Ngoại đạo lập luận để chống đối Phật giáo rằng: Không phải ai cũng thành Phật; đạo Phật là yếm thế, tiêu cực, bi quan, v.v...; đạo Phật là tiêu huỷ mầm sống trong chủ trương diệt dục... (Pháp Hoa: mọi người đều có Phật tính, Pháp Hoa đề cao lý tưởng Bồ Tát và xây dựng thành lý tưởng độ sanh, xem con đường độ sinh của Bồ Tát như là một chặng đường sau cùng của giải thoát, chuẩn bị đi vào Phật trí.)

22. - Dùng ngôn từ của thời đại (thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch) để triển khai rộng rãi và phổ cập đến quần chúng các giáo lý rất nền tảng truyền thống vốn có hay nằm trong kinh tạng Nikaya và AHàm (duyên khởi, vô thường, vô ngã, Tứ Diệu Đế, v.v...)

23. - Lúc bấy giờ Phật giáo có nhiều hệ phái với nhiều chủ trương khác nhau, mâu thuẫn, tranh chấp, v.v.... Giữa bối cảnh đó, Pháp Hoa có hai sứ mệnh nổi bật thể hiện qua 28 phẩm kinh:

- Đối đầu với các luận điểm tuyên truyền xuyên tạc Phật giáo của ngoại đạo..

- Đoàn kết, thống nhất quan điểm giáo lý của các hệ phái Phật giáo để đi đến thống nhất sinh hoạt, dập tắt các tranh chấp, xung đột xảy ra giữa các hệ phái Phật giáo, đồng thời xiển dương chánh pháp.'

III. Ý Nghĩa Tên Kinh:

Tên kinh là SADDHARMA - PUNDARIKA SUTRA, Pháp sư Cưu ma-la-thập dịch là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh.

Tên kinh nói gọn là Pháp Hoa.

Theo truyền thống Phật giáo, hoa sen là biểu tượng của chân lý, diệu pháp, vô nhiễm. Cũng thế thật tướng của thế gian vốn ở ngoài tướng trạng của tham ái và chấp thủ. Thật tướng thường trú, vì thế được biểu tượng bằng Diệu Pháp Liên Hoa. Tên kinh đã gói trọn nội dung cho rằng tất cả chúng sinh có thể giải thoát trọn vẹn giữa lòng đời ác trực như hoa sen, nở giữa nước đục, bùn dơ bẩn.

Biểu tượng hoa sen bắt nguồn sâu xa trong truyền thống Ấn Độ còn được ghi lại trong Áo Nghĩa Thư Upanisad và trở thành tượng trưng cho tinh thần Phật giáo. Kinh Nikaya Angattara viết:

*Như bông sen, thanh tao, mỹ miều
Không nhiễm ó với nước đục
Không nhiễm ó với trần tục*

Cho nên, hồi Bà La Môn, ta đã giác. Và Phật giáo Đại Thừa có cả một kinh nổi tiếng mang tên Diệu Pháp Liên Hoa.

Biểu tượng Phật Ấn của hoa sen đã được người dân Việt diễn đạt tài tình, hồn nhiên, trong sáng và không còn thấy bóng dáng tôn giáo, trong bài ca dao mà hầu như bất cứ người Việt Nam nào cũng nằm lòng:

*Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh, bông trắng lại chen nhụy vàng.
Nhụy vàng, bông trắng lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*

IV. Nội dung Kinh Pháp Hoa:

Bài viết này không tìm hiểu nội dung từng phẩm kinh mà chỉ nêu lên một số nét giáo lý cơ bản của Pháp Hoa mà chúng ta cần nắm vững để vận dụng vào đời sống, hầu xây dựng “nếp sống tinh thức”. Sống hạnh phúc, chết bình an (Phẩm Phổ Môn 25).

4.1 - Hệt như Nikaya và A Hàm, giáo lý nền tảng của Pháp Hoa là “duyên khởi” và “tứ đế” Phẩm Phương tiện (phẩm 2) của Pháp Hoa xác nhận quả Phật từ duyên khởi:

*Chư Phật, các đấng viên mãn đức và trí
Hiểu biết các pháp là rỗng không tự ngã,
Quả Phật đến từ duyên khởi
Nên chỉ nói một thừa pháp (nhất thừa).*

4.2 - Nhiều phẩm khác trong kinh Pháp Hoa vẫn xác nhận Duyên Khởi và Tứ Diệu Đế là giáo lý chủ yếu nhất, chủ yếu đến độ nếu không ngộ được, hiểu rõ được (liễu ngộ) Duyên Khởi và Tứ Diệu Đế thì không thể liễu ngộ được Kinh Pháp Hoa.

4.3 - Pháp Hoa đề cao lý tưởng Bồ Tát và xây dựng thành lý tưởng độ sanh, xem con đường độ sanh của Bồ Tát như là một chặng đường sau cùng của giải thoát, chuẩn bị đi vào Phật trí với sáu hạnh: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ.

4.4 - Pháp Hoa chỉ dạy rõ ràng rằng Đạo chính là đời được xoá bỏ phiền não, khổ đau, chấp thủ.

4.5 - Tu tập theo bất cứ pháp môn nào, tâm thức vẫn phải vận dụng "giới định tuệ" tâm đại từ bi để loại trừ hoàn toàn si mê, chấp thủ, tham ái hầu nhổ bật tận gốc rễ của khổ đau và đi vào Phật trí.

4.6 - Pháp Hoa luôn luôn khích lệ chúng ta lên đường với hành trang Vô Ngã (hiểu nghiệm thực tại vô ngã để chấm dứt khổ đau) và đi vào đời để thắp sáng trí tuệ vô ngã ấy cho mình và người.

4.7 - Pháp Hoa nhắc nhở chúng ta xây dựng nếp sống tinh thức (Phẩm Phổ Môn 25) với tâm đại từ bi mà vượt khỏi các khổ sở, ách nạn (chứ không phải cầu tìm bên ngoài: cầu Bồ Tát cứu độ).

4.8 - Pháp Hoa giảng dạy, chỉ rõ tất cả chúng sanh đều có Phật tính và các pháp là “không tướng” nhưng vẫn dạy tu tập để phá đổ các ngăn che trí tuệ toàn giác.

V. Ngôn Ngữ của Kinh Pháp Hoa:

Ngôn ngữ thường dùng hàng ngày không thể trình bày Phật tri kiến. Phật tri kiến không bao giờ là đối tượng của nhận thức, của tư duy hay diễn đạt bằng ngôn từ. Tri kiến thấy thật tướng vô tướng là đồng thể với vô tướng nên ngôn ngữ thường dùng hàng ngày (ngôn ngữ hữu tướng) không thể trình bày tri kiến ấy. Do vì không thể trình bày trực tiếp Phật tri kiến, Pháp Hoa đã chọn phương thức diễn đạt bằng hình ảnh biểu tượng và ngôn ngữ biểu tượng. Biểu tượng thì luôn luôn biểu tượng một cái gì khác nó, khác với tướng trạng khái niệm.

Pháp Hoa vừa trình bày biểu tượng vừa vận dụng kỹ thuật đánh thức giác tính. Chính giác tính được khơi dậy nơi người nghe ngộ Phật tri kiến ở ngoài các dòng kinh diễn đạt. Pháp Hoa vì thế xuất hiện như những hồi chuông đánh thức người nghe để xây dựng nếp sống tinh thức (Phổ Môn) hầu ra khỏi cơn mê tham ái và chấp thủ.

Chẳng hạn kinh ghi người diễn nói thuyết giảng Kinh Pháp Hoa cho mọi người cần hội đủ ba điều kiện căn bản (Phẩm Pháp sư): vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi chỗ ngồi Như Lai.

Biểu tượng vào nhà Như Lai phải hiểu là có lòng đại từ bi vô hạn; mặc áo Như Lai biểu tượng cho nhu hoà, nhẫn nhục; còn ngôi chỗ Như Lai biểu tượng cho sự thấy rõ, hiểu nghiệm không tính (hay không tánh) của tất cả các Pháp.

Trong phẩm thứ 23, Bồ Tát Hỷ Kiến đốt cháy “hai cánh tay công đức” để cúng dường xá lợi Phật. Tay biểu tượng, biểu hiện sự nắm bắt; đốt cháy hai cánh tay công đức là đốt cháy chấp thủ “ngã” và chấp thủ “pháp”. Đây là biểu tượng chuyển hoá cái tâm để xả bỏ triệt để “chấp thủ”. Thế mà chúng ta lại quá chú trọng đến việc “tìm hiểu kinh sách” và chạy lăng xăng suốt ngày đêm làm “Phật sự”. (chỉ lo chăm sóc hai cánh tay công đức) mà quên đi việc chính yếu của người Phật tử chân chính: chuyển hoá cái tâm (thay đổi cái nhìn).

Vì ngộ nhận, chúng ta đã “qua” tôn sùng và “nô lệ” vào những bản kinh, xem như là kinh điển tàng trữ trí tuệ của Phật. Sự giải thoát không nằm trong lời Phật dạy. Chúng ta đã vô tình biến kinh điển trở thành một đền thờ trong đó xác chết của trí tuệ Như Lai bị chôn vùi. Sự giác ngộ, vốn dĩ là một cái gì sống động, không thể bị gán chặt vào một thể thức hay một danh từ nào. Kinh điển chỉ là phương tiện “khô cứng”, phương tiện “khái niệm. chỉ cho ta biết tuệ giác có thể tìm thấy ở đâu: ở trong “tâm”, trong “đời sống” hằng ngày giữa “thiên nhiên”.

Những sự việc trong đời sống và thiên nhiên là những bài kinh sống động, thiết thực giúp cho ta giác ngộ để xây dựng nếp sống tỉnh thức mà tâm tĩnh lặng: sống hạnh phúc chết bình an. Phật đã dạy rằng: Giáo lý chỉ như một chiếc bè dùng để qua sông chứ không phải dùng để “ôm” giữ. Đừng bao giờ làm giáo lý với tuệ giác.

Ngộ nhận tai hại vì chúng ta đã đọc Pháp Hoa (Phẩm Phổ Môn) với “tâm tín ngưỡng tôn giáo” chứ không đọc theo lời khuyên dạy của Đức Phật trên nền tảng của “giáo lý Phật đạo”... “Đời sống con người vui tươi hay đau khổ đều do con người tự quyết định và tạo lập lấy”. “Các người nên làm công việc của mình, vì các đức Như Lai chỉ dạy con đường mà thôi; hãy tự tu tập và tìm sự giải thoát cho chính mình, vì con người có năng lực giải thoát mình ra khỏi mọi ràng buộc vật chất và tinh thần bằng trí tuệ và nỗ lực của riêng mình”.

Ngộ nhận vì chúng ta không ghi nhớ rằng: vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, xe dê, xe nai, xe trâu, đốt cháy hai cánh tay công đức, niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, v.v... chỉ là những biểu tượng. Đó là ngôn ngữ biểu tượng. Như trên đã nói, biểu tượng thì luôn luôn biểu tượng hoá một cái gì khác nó, khác với tướng trạng khái niệm. Không đứng trên giáo lý căn bản của "Phật đạo". và không xuyên qua ngôn từ biểu tượng, thông thường chúng ta thường đến với Bồ Tát Quán Thế Âm với tâm tín ngưỡng tôn giáo: cầu Bồ Tát lấp đầy cho những mong cầu, ước vọng của mình.

Thật ra lời kinh Phổ Môn: “Nếu chúng sinh hết lòng xưng danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm thì liền thoát được khổ ách” chỉ là một biểu tượng. Nếu không xem đó như là một biểu tượng thì lời kinh mâu thuẫn hoàn toàn nơi giáo lý Phật đạo mà đức Phật đã chỉ dạy:

"Ai thấy duyên khởi là thấy Pháp. Ai thấy Pháp là thấy Phật" và những lời dạy của Phật đã trình bày ở phần trên.

Hơn nữa, Bồ Tát với tâm đại từ bi và trí tuệ viên mãn, nếu cứu độ được ai thì ngài cứu giúp ngay đâu cần phải kêu cầu thăm thiết ngày đêm.

“Phật đạo”. chỉ dạy con đường để con người trưởng thành, giải phóng (tự do) và giải thoát toàn triệt. Đó là điểm duy nhất khác biệt độc đáo của Phật đạo với các tôn giáo khác. Phật đạo không dạy con người làm kẻ nô lệ, kể cả nô lệ chư Bồ Tát và chư Phật. Và đó cũng là giáo lý căn bản của Pháp Hoa: “Tất cả chúng sinh đều có Phật tính”.

Thực ra thì lời kinh “nếu chúng sinh hết lòng xưng danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm thì liền thoát được khổ ách” chỉ là một biểu tượng. Biểu tượng đó minh định rằng nếu ai sống tỉnh thức trong giây phút hiện tại thì thoát được khổ ách.

Nói cách khác biểu tượng đó minh định, nhắc nhở rằng: nếu ai có sức định sâu (nhất tâm) hoặc tỉnh thức sâu sắc thì liền thoát được khổ ách, sợ hãi.

Bồ Tát Quán Thế Âm là biểu tượng năng lực tỉnh thức vô ngã trong tự tâm mỗi người, ban cho người ấy lòng không sợ hãi, lòng dũng cảm. Tâm lý tỉnh thức, năng lực tỉnh thức sinh khởi tâm vô tham; tâm vô tham là tâm nhổ bật gốc rễ lòng sợ hãi (bởi gốc rễ sợ hãi là lòng tham).

Tỉnh thức một cách sâu sắc, tức nhìn tròn, đơn thuần quan sát trong im lặng tuyệt đối. Nghĩa là quan sát mà không phê phán, không chọn lựa, không loại trừ tham, sân, sợ hãi, khổ đau, v.v... thì tự tâm sẽ lia xa các phiền não, lia xa tham sân si. Ở đâu có tỉnh thức ở đó có ”trí tuệ vô ngã”. Ở đâu có trí tuệ vô ngã thì ở đó vắng mặt khổ đau, ở đó được cứu khổ và được gọi là ở đó có Bồ Tát Quán Thế Âm.

“Hết lòng xưng danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm là hết lòng tỉnh thức, hết lòng đắm mình vào trí tuệ vô ngã. Vì thế Pháp Hoa khích lệ người đời đi vào tri giác hơn là chỉ nuôi dưỡng một lòng tin Phật pháp.

Trong kinh Pháp Hoa, biểu tượng Bồ Tát Diệu Âm là khai mở về tuệ (chánh kiến) còn biểu tượng Bồ Tát Quán Thế Âm là mở đường thực hành.

Cách tích cực nhất là mỗi người tự thực hành: sống tỉnh thức trong giây phút hiện tại để làm bùng dậy năng lực cứu khổ vốn có trong mình. Hành hạnh của Bồ Tát Quán Thế Âm là cách vừa tự giải thoát, vừa truyền bá Phật giáo sâu rộng, gắn liền đạo và đời. Người thật sự sống đạo là người biết vận dụng giáo lý vào đời sống (chuyên Pháp Hoa) để đổi chiều cái nhìn sự vật của mình. Từ sự thấy biết chân chính đó, tâm lý sẽ đổi chiều phản ứng từ tham, sân, si qua vô tham, vô sân, vô si, chứ không phải cầu xin, kêu cứu. Từ cánh cửa Phổ Môn (tỉnh thức) đi vào cuộc sống an vui hạnh phúc, sống hạnh phúc chết bình an, nếu không muốn nói những từ to lớn siêu việt: đi vào pháp giới tánh, thay vì trở lại vòng quay của sinh tử.

Chính vì thế Phổ Môn của kinh Pháp Hoa được đọc tụng hàng ngày để nhắc nhở Phật tử: sống tỉnh thức trong giây phút hiện tại. Phổ Môn là cửa ngõ chính, từ đó tham ái, chấp thủ và khổ đau vào và cũng chính từ cửa đó, tham ái, chấp thủ và khổ đau ra đi. Cánh cửa đó là sáu căn, sáu trần và sáu thức bị chấp thủ. Hiểu như vậy là phù hợp với nội dung Pháp Hoa, mà khế hợp

với giáo lý truyền thống được kết tập từ Nakaya và A Hàm, tức phù hợp với lời dạy của Phật (Phật đạo).

Trong phẩm Cơ Duyên của Kinh Pháp Bảo Đàn Lục Tổ Huệ Năng đã chỉ dạy cách đọc kinh Pháp Hoa, và cách tu tập theo kinh, qua giai thoại sau đây:

Tăng Pháp Đạt, người Hồng Châu, bảy tuổi xuất gia, thường tụng kinh Pháp Hoa, đến lễ Tổ Sư mà đầu chẳng chắm đất. Sư quở rằng: “Đảnh lễ mà đầu chẳng chắm đất bằng như chẳng lễ, trong tâm người có chất chứa một điều gì, ngày thường tu hạnh gì?”

Đáp: “Niệm kinh Pháp Hoa đã hết ba ngàn bộ”

Sư nói: “Dẫu cho người tụng đến mười ngàn bộ, nếu ngộ được ý kinh mà chẳng tự cho là thù thắng, mới đồng một hạnh với ta. Nay ngươi tự phụ cho đây là sự nghiệp mà chẳng biết lỗi, hãy nghe kệ đây:

*Lễ vốn trừ ngã mạn,
Đầu sao chẳng chắm đất?
Có ngã tội liền sanh,
Quên công, phước vô tận.*

Sư lại hỏi: "Người tên gì?"

Đáp: “Tên là Pháp Đạt”

Sư nói: “Ngươi tên Pháp Đạt, đâu từng đạt pháp”. Lại nói kệ rằng:

“Người tên gọi Pháp Đạt, siêng tụng chưa từng dứt,

Tụng suông chỉ theo tiếng,

Minh Tâm gọi Bồ Tát. Ngươi nay có nhân duyên, tại vì ngươi mà thuyết.

Hễ tin Phật vô ngôn.

(chớ nên chấp ở ngôn ngữ. Vô ngôn: Phật thuyết pháp 49 năm mà tự nói chẳng thuyết một chữ.)

Lời Phật từ miệng phát.
(chớ nên chấp vào yên lặng)

Đạt nghe kệ xong bèn tạ lỗi rằng: “Từ nay trở đi sẽ khiêm tốn cung kính tất cả. Đệ tử tụng kinh Pháp Hoa mà chưa hiểu nghĩa kinh, tâm thường có nghi, Hoà Thượng trí huệ minh mông, xin nói sơ lược ý nghĩa của kinh.”

Sư nói: “Pháp Đạt, pháp vốn thông đạt, chỉ tại tâm người chẳng đạt. Kinh vốn chẳng nghi, tâm người tự nghi. Người niệm kinh này lấy gì làm tông chỉ?”

Đạt nói: “Đệ tử căn tánh ngu độn, xưa nay chỉ biết y văn tụng niệm, chẳng biết tông chỉ.”

Sư nói: “Ta chẳng biết chữ, người lấy kinh tụng thử một bộ, ta sẽ giải thuyết cho”.

Pháp Đạt liền lên tiếng tụng kinh, đến phẩm Thí Dụ, sư nói: “Hãy ngừng, kinh này vốn lấy nhân duyên xuất thế làm tông chỉ, dù nói nhiều thí dụ cũng chẳng ngoài việc này. Thế nào là nhân duyên? Kinh nói: “Chư Phật Thế Tôn vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trên đời”. Một đại sự tức là tri kiến Phật vậy. Người đời ngoài mê chấp tướng, trong mê chấp không, nếu được ở nơi tướng mà lìa tướng, nơi không mà lìa không, tức là trong ngoài chẳng mê. Nếu ngộ pháp này, ngay trong một niệm tâm liền sáng tỏ, ấy là khai ngộ Tri Kiến Phật vậy. Phật tức là Giác, chia làm bốn cửa: Khai Giác Tri Kiến, Thị Giác Tri Kiến, Ngộ Giác Tri Kiến, Nhập Giác Tri Kiến. Nếu nghe khai thị liền được ngộ nhập tức là Giác Tri Kiến, do đó bốn lai chơn tính liền được hiển hiện.

Người nên cẩn thận, chớ hiểu lầm ý Kinh, nghe nói: “khai thị ngộ nhập” bèn cho là tri kiến của Phật (tha Phật) chẳng có phần mình; nếu hiểu như thế là phỉ báng kinh Phật vậy. Đã nói là Phật thì tri kiến Phật đã sẵn đầy đủ, đâu cần phải khai thị nữa! Người phải tin rằng, nói tri kiến Phật là ở ngay tự tâm của người, chẳng phải Phật bên ngoài. Bởi vì tất cả chúng sanh tự che khuất ánh sáng của tự tánh, tham ái cảnh trần, phan duyên bên ngoài, nhiều loạn bên trong, cam chịu trần lao hành hạ, làm nhọc Đức Thế Tôn từ chánh định ra, khổ tâm khuyên dạy bằng đủ mọi cách, khiến ngừng nghi các duyên, chớ nên hướng ngoại tìm cầu, tức chẳng khác Phật với Phật, nên nói là khai tri kiến Phật vậy. Ta cũng khuyên tất cả mọi người nên thường khai tri kiến Phật nơi tự tâm. Người đời tâm tà, ngu mê tạo tội, miệng lành tâm ác, tham sân ganh tỵ, gièm siểm, nịnh bợ, ngã mạn, hiếp người, hại vật, tự khai tri kiến chúng sanh. Nếu được trong tâm ngay thẳng thường sanh trí huệ soi tự tâm, dứt ác làm lành tức là tự khai tri kiến Phật, và chớ khai tri kiến chúng sanh. Khai tri kiến Phật tức là xuất thế, khai tri kiến chúng sanh tức là thế gian. Nếu người chỉ lấy công phu tụng niệm làm thời khoá chẳng khác nào con mao ngưu tiếc đuôi! (con mao ngưu có đuôi rất đẹp, gặp thợ săn chỉ giấu đuôi mà không dấu đầu)”.

Đạt nói: “Nếu như vậy tức là chỉ cần hiểu nghĩa, chẳng cần tụng kinh sao?”

Sư nói: “Kinh có lỗi gì, đâu làm chướng niệm của người! Chỉ mê ngộ tại người, tồn ích cho mình mà thôi. Miệng niệm tâm hành tức là chuyển được kinh, miệng niệm tâm chẳng hành tức bị kinh chuyển. Hãy nghe kệ đây:

*Tâm mê Pháp Hoa chuyển,
Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa.
Tụng lâu chẳng hiểu thấu,
Nghịch ý nghĩa trong kinh.
Vô niệm (không chấp thật) niệm tức chánh,
Hữu niệm (có chấp thật) niệm thành tà.*

*Hữu vô đều chẳng chấp,
Tự tánh luôn luôn hiện.*

Đạt nghe xong thoát chảy nước mắt, ngay nơi đó khai ngộ, nói với Sư: “Pháp Đạt xưa nay thật chưa từng chuyển Pháp Hoa, lại bị Pháp Hoa chuyển.”

Pháp Đạt từ đó lãnh hội huyền chỉ, cũng chẳng dứt tụng kinh.

Như vậy việc đọc, tụng, tìm hiểu, diễn nói, thuyết giảng và tu tập Pháp Hoa không phải là đối với cuốn Kinh Pháp Hoa mà là đối với Kinh Lòng (chẳng có gì ở ngoài tâm bạn: tốt-xấu, mê-ngộ), đối với kinh Cuộc Đời (chân lý ở ngay trong đời sống và thiên nhiên), và đối với cuốn Kinh Vô Tư (trong tĩnh lặng tuyệt đối, tất cả đều thể hiện thực tướng với trí tuệ vô ngã).

Để dập tắt ngã mạn của người học, tụng, thuyết giảng Kinh Pháp Hoa (thường cho Kinh Pháp Hoa là nhất thừa, là Pháp Vương) hãy nhớ rằng Pháp Hoa cũng chỉ là phương tiện.

Chọn phương tiện này (Pháp Hoa) hay phương tiện khác (Hoa Nghiêm, A Di Đà, Duy Ma Cật, Kim Cương hay Lăng Già, v.v...), là tùy tâm tính, căn cơ của mỗi người. Không có trường phái nào hay hơn, cao hơn trường phái khác. Chỉ có thích hợp hay không với mỗi người thế thôi. Nếu chân lý chỉ có một thì chỗ giáo nghĩa thâm diệu nhất của Pháp Hoa cũng chính là ở chỗ thâm thúy nhất của Nikaya và A Hàm nói riêng và của tất cả các bộ kinh khác nói chung.

Cái tâm là cái hoà đồng tất cả; tâm là nơi gặp gỡ của tất cả những ai, ở mọi chân trời và thời đại đã có đủ duyên quay trở vào chiều sâu thẳm của tâm linh.

Nếu chúng ta cảm thấy đạo Phật nói chung, Pháp Hoa nói riêng có phần nào phức tạp, rườm rà và khó hiểu thì hãy quay về với tâm (Phật tại tâm) thì mọi sự, mọi việc trở nên sáng sủa và giản dị: nếu tâm thanh tịnh thì chính chỗ ở hiện thời là tịnh độ (Duy Ma Cật); sự an nghỉ của tâm chính là Niết Bàn (Bồ Đề Lạt Ma); nếu bỏ vọng tưởng thì trí huệ, hiền tiền đầy đủ lời Phật dạy); tri huyền tức lý, lý huyền tức giác (Kinh Viên Giác).

Sáng sủa và giản dị cũng như hai câu Kinh Pháp Cú:

*Không định nào không tuệ,
Không tuệ nào không định,
Ai cũng lúc định tuệ,
Người ấy gần Niết Bàn.
(Ph. 372)*

*Không làm điều ác,
Thành tựu những việc lành,
Giữ tâm ý thanh tịnh,
Áy lời Phật dạy.
(Ph. 183)*

Khi Đức Phật dạy "Hãy tránh điều ác, làm những việc lành và nội tâm an tịnh" thì Ngài không hề bắt ta phải nỗ lực đi theo một kiểu mẫu qui định nào. Nếu ta hiểu ý Ngài thì ta chỉ cần buông vấn đề đó xuống (tâm an tịnh) và thực tại hiện tiền đây, hãy bắt tay vào sao cho tốt, cho khéo thì thôi (tránh ác làm lành).

Lục Tổ Huệ Năng cũng đã dạy: "Nếu được trong tâm ngay thẳng, thường sanh trí tuệ chiếu soi tự tâm, dứt ác làm lành, tức là tự khai tri kiến Phật."

Như vậy thì:

*Tâm đã có sẵn rồi
Nào phải vọng xa xôi
Dậm trình thông dong bước (tránh ác làm lành để tâm an tịnh)
Hoa trắng nở ven đời.*

Pháp Hoa không đánh giá cao hay thấp giáo lý của bất cứ bộ phái Phật Giáo nào mà chỉ giới thiệu con đường giải thoát Giới, Định, Huệ, (tức tránh ác làm việc lành, giữ tâm ý thanh tịnh) và lòng từ bi như là con đường truyền thống đưa đến giải thoát tối hậu.

Tự thân của Phật đạo vốn là tích cực, bởi vì Phật đạo giúp con người trưởng thành (thoát khỏi nô lệ vật chất cũng như tinh thần) để dập tắt mọi nhân tố của khổ đau ngay giữa cuộc đời này. Ý nghĩa đi ra khỏi ngôi nhà lửa tam giới của Pháp Hoa không phải từ bỏ cuộc đời để đi đến một thế giới xa lạ nào khác mà từ bỏ tham, sân, si, sảo, bi, khổ, ưu, não. Con đường ra khỏi tam giới thực sự là con đường đi vào cuộc đời với tâm lý vô tham, vô sân, vô si, vô chấp với lòng đại từ đại bi. Đó là nghĩa tích cực của Pháp Hoa.

*Vĩnh Như
Hoài Văn Tử
Tủ Sách Việt Thường
www.tusachvietthuong.org*